

KẾT QUẢ MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH KHÓA 248 Đợt 2  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ

TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	CC	KTTX		QT	DT	TB	CC	KTTX		QT	DT	TB	CC	KT	TH	QT	DT	TB	CC	KT	TH	QT	DT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú		
							LI	L2					LI	L2																			TX	
																																		HP
1	24Y3110001	Phan Thị Loan	Anh	05-03-2005	DINH DUONG 24	Lâm Đồng	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	6.9	9.0	8.0	7.0	7.9	9.0	8.6	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá		
2	24Y3110002	Trương Thị Bảo	Châu	04-12-2006	DINH DUONG 24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	6.8	9.0	8.0	7.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.6	Khá			
3	24Y3110003	Nguyễn Thu	Hằng	25-05-2006	DINH DUONG 24	Gia Lai	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.9	7.0	7.4	8.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá		
4	24Y3110004	Hà Thị Thu	Hương	07-04-2006	DINH DUONG 24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.			
5	24Y3110006	Phạm Nguyễn Thảo	Ngân	05-05-2006	DINH DUONG 24	Quảng Nam	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.0	Khá		
6	24Y3110009	Nguyễn Thị Yến	Nhi	07-05-2006	DINH DUONG 24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	5.0	6.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	7.4	Khá		
7	24Y3110010	Dương Quỳnh	Như	18-08-2006	DINH DUONG 24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	9.0	9.0	7.0	8.3	0.0	.	8.0	9.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.		VPQC HP3	
8	24Y3110011	Nguyễn Thanh Uyên	Phương	14-11-2006	DINH DUONG 24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.9	7.0	7.4	8.0	8.0	9.0	8.5	7.0	7.6	7.6	Khá		
9	24Y3110012	Phạm Ngọc	Tâm	09-11-2006	DINH DUONG 24	Phu Yên	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	9.0	8.0	6.0	7.5	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.1	Khá	
10	24Y3110013	Phạm Lạc	Thư	03-11-2006	DINH DUONG 24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.1	Khá		
11	24Y3110014	Trần Ngọc Kim	Thư	18-01-2006	DINH DUONG 24	TP. HCM	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	10.0	8.0	8.8	8.0	8.3	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.5	Khá		
12	24Y3110015	Nguyễn Duy	Tiến	06-01-2006	DINH DUONG 24	Thái Bình	9.0	7.0	7.0	7.4	4.0	.	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.2	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	5.0	6.1	.			
13	24Y3110016	Cao Nguyễn Ngọc	Trân	10-02-2006	DINH DUONG 24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	6.8	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.5	10.0	9.4	7.6	Khá		
14	24Y3110017	Nguyễn Phan Bảo	Trân	16-09-2006	DINH DUONG 24	Đà Nẵng	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.6	9.0	9.0	7.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	9.0	8.5	6.0	7.0	7.1	Khá		
15	24Y3110018	Trương Thị Bảo	Trân	04-12-2006	DINH DUONG 24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.7	Khá		
16	24Y3110019	Hồ Ngọc Huyền	Trang	28-05-2006	DINH DUONG 24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.6	9.0	8.0	7.0	7.9	9.0	8.6	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.0	Khá		
17	24Y3090003	Nguyễn Trường	An	21-01-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.2	9.0	8.0	7.0	7.9	7.0	7.4	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.3	6.6	Trung bình		
18	24Y3090002	Lưu Đức	An	02-10-2006	HAYH24	Quảng Bình	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	7.0	8.3	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.5	7.6	Khá		
19	24Y3090004	Bạch Hoàng	Anh	21-07-2006	HAYH24	Hà Nội	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.1	9.0	10.0	7.0	8.6	7.0	7.7	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.1	Khá		
20	24Y3090009	Trần Lê Phương	Anh	02-01-2006	HAYH24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	7.0	7.9	9.0	8.6	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.5	Giỏi		
21	24Y3090006	Nguyễn Đức	Anh	04-06-2006	HAYH24	Quảng Bình	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	8.0	8.0	9.0	8.5	5.0	6.4	6.8	Trung bình		
22	24Y3090008	Nguyễn Tuấn	Anh	09-02-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.5	8.0	10.0	8.0	8.8	8.0	8.3	9.0	7.0	9.0	8.5	5.0	6.4	7.4	Khá		
23	24Y3090007	Nguyễn Ngọc Quốc	Anh	14-01-2006	HAYH24	Nghệ An	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	7.7	Khá		
24	24Y3090010	Trương Công	Bảo	04-08-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	10.0	7.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.6	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	7.3	Khá		
25	24Y3090012	Nguyễn Thị Thanh	Bình	10-11-2006	HAYH24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	10.0	8.0	8.8	7.0	7.7	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.4	Khá		



TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	CC	KTTX		QT	DT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	DT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	DT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	DT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú				
							L1	L2					L1	L2																						
26	24Y3090013	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	15-11-2006	HAYH24	Đắk Lắk	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	6,0	7,5	8,0	7,8	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,6	Khá	
27	24Y3090014	Trần Thị Kim	Chi	09-08-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	8,0	6,0	7,5	8,0	7,8	8,0	7,0	8,0	7,8	9,0	8,5	8,1	Khá				
28	24Y3090015	Lê Sỹ	Đại	13-09-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9,0	7,0	8,0	7,8	7,0	7,2	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	8,0	7,0	7,9	5,0	6,2	8,0	6,0	8,0	7,5	8,0	7,8	7,3	Khá				
29	24Y3090016	Hồ Gia	Đạt	27-01-2006	HAYH24	Phủ Yên	9,0	8,0	8,0	8,2	5,0	6,0	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	7,0	8,3	9,0	8,7	8,0	7,0	9,0	8,3	9,0	8,7	7,5	Khá				
30	24Y3090017	Phan Tiến	Đạt	15-01-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9,0	6,0	6,0	6,6	0,0	.	9,0	9,0	8,0	8,6	6,0	6,8	9,0	8,0	7,0	7,9	5,0	6,2	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,4	.	VPQC HP1				
31	24Y3090018	Nguyễn Ngọc	Đoàn	17-01-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	5,0	6,0	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	10,0	7,0	8,6	8,0	8,3	8,0	6,0	8,0	7,5	6,0	6,6	6,9	Trung bình				
32	24Y3090019	Lê Đức Quang	Dũng	30-10-2006	HAYH24	Quảng Trị	9,0	8,0	7,0	7,8	7,0	7,2	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	8,0	6,0	7,5	7,0	7,2	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	8,6	7,7	Khá				
33	24Y3090021	Nguyễn Lưu	Dũng	01-08-2006	HAYH24	Kon Tum	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,3	9,0	9,0	7,0	8,3	8,0	8,1	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	8,6	8,0	Khá				
34	24Y3090023	Nguyễn Hoàng Bảo	Duy	14-03-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	5,0	6,0	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,5	9,0	8,0	7,0	7,9	8,0	8,0	8,0	6,0	8,0	7,5	5,0	6,0	6,7	Trung bình				
35	24Y3090022	Huỳnh Hiếu	Duy	02-10-2006	HAYH24	Bình Thuận	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,7	9,0	7,0	9,0	8,5	9,0	8,8	7,7	Khá				
36	24Y3090025	Nguyễn Hương	Giang	20-08-2006	HAYH24	Đắk Nông	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,5	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,7	8,0	9,0	8,0	8,3	8,0	8,1	7,6	Khá				
37	24Y3090026	Thái Ngọc Hoàng	Giang	05-10-2006	HAYH24	Quảng Nam	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	6,0	7,9	7,0	7,4	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	8,6	7,6	Khá				
38	24Y3090028	Mai Ngọc	Hà	26-07-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	9,0	10,0	8,0	9,0	8,0	8,4	9,0	7,0	9,0	8,5	9,0	8,8	7,9	Khá				
39	24Y3090030	Lê Minh	Hằng	13-06-2006	HAYH24	Nghệ An	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	9,0	8,8	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	8,6	8,1	Khá				
40	24Y3090031	Trần Thị Mỹ	Hạnh	02-03-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	10,0	7,0	8,0	8,0	7,0	7,3	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	10,0	10,0	9,0	9,6	7,0	8,1	10,0	8,0	9,0	9,0	10,0	9,6	8,0	Khá				
41	24Y3090034	Nguyễn Văn	Hiếu	19-02-2006	HAYH24	Đắk Lắk	9,0	8,0	8,0	8,2	5,0	6,0	9,0	8,0	9,0	8,6	5,0	6,1	9,0	9,0	6,0	7,9	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	6,9	Trung bình			
42	24Y3090035	Nguyễn Thị Xuân	Hoa	11-11-2006	HAYH24	TP HCM	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	8,0	7,0	7,9	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	6,0	6,8	7,3	Khá					
43	24Y3090037	Xã Sinh	Hoàng	24-12-2006	HAYH24	Nghệ An	9,0	8,0	6,0	7,4	7,0	7,1	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,5	9,0	8,0	7,0	7,9	1,0	.	8,0	7,0	8,0	7,8	9,0	8,5	.	Khá				
44	24Y3090036	Võ Thị Huy	Hoàng	06-06-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,3	9,0	7,0	9,0	8,5	8,0	8,2	8,0	Khá				
45	24Y3090038	Nguyễn Chí	Học	10-06-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	8,0	6,0	7,5	0,0	.	8,0	7,0	9,0	8,3	9,0	8,7	.	VPQC HP3				
46	24Y3090039	Nguyễn Tiến	Huân	28-08-2006	HAYH24	Phủ Yên	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	6,0	7,5	8,0	7,8	8,0	7,0	8,0	7,8	9,0	8,5	7,9	Khá				
47	24Y3090040	Nguyễn Việt	Hùng	10-01-2005	HAYH24	Hà Tĩnh	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	8,0	7,0	7,9	7,0	7,4	8,0	8,0	9,0	8,5	9,0	8,8	8,1	Khá				
48	24Y3090041	Nguyễn Quang	Hưng	20-11-2006	HAYH24	Nghệ An	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	10,0	8,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,0	9,0	8,5	0,0	.	.	Khá				
49	24Y3090044	Nguyễn Quốc	Huy	17-10-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	6,0	6,8	9,0	9,0	7,0	8,3	7,0	7,5	8,0	8,0	9,0	8,5	8,0	8,2	7,4	Khá				
50	24Y3090045	Trần Thị Khánh	Huyền	19-05-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	7,0	8,3	7,0	7,5	8,0	8,0	8,0	8,0	0,0	.	.	Khá				
51	24Y3090047	Lê Nguyên	Khang	07-11-2006	HAYH24	Gia Lai	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	10,0	8,0	9,0	8,0	8,4	8,0	7,0	9,0	8,3	7,0	7,5	7,6	Khá				
52	24Y3090049	Nguyễn Đình Duy	Khánh	25-09-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9,0	8,0	8,0	8,2	5,0	6,0	9,0	8,0	8,0	8,2	5,0	6,0	9,0	10,0	8,0	9,0	7,0	7,8	8,0	7,0	9,0	8,3	6,0	6,9	6,6	Trung bình				
53	24Y3090050	Phùng Mạnh	Khánh	18-01-2006	HAYH24	Nghệ An	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	9,0	10,0	9,0	9,4	7,0	8,0	8,0	7,0	9,0	8,3	9,0	8,7	8,0	Khá				
54	24Y3090052	Nguyễn Hữu	Khuê	19-05-2006	HAYH24	Quảng Bình	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	5,0	6,0	9,0	10,0	9,0	9,4	7,0	8,0	9,0	7,0	9,0	8,5	10,0	9,4	7,6	Khá				
55	24Y3090054	Lâm Hoàng Phương	Linh	28-02-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	8,6	9,0	7,0	9,0	8,5	9,0	8,8	8,4	Khá				
56	24Y3090056	Võ Hồng	Linh	28-01-2006	HAYH24	Quảng Ngãi	9,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,9	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,5	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,3	8,0	8,0	9,0	8,5	6,0	7,0	7,7	Khá				
57	24Y3090057	Lê Khắc Phúc	Lộc	01-01-2006	HAYH24	Lâm Đồng	9,0	8,0	7,0	7,8	7,0	7,2	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	8,0	6,0	7,5	8,0	7,8	8,0	8,0	9,0	8,5	9,0	8,8	7,9	Khá				

TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			HP
58	24Y3090058	Nguyễn Thành Long	26-09-2006	HAYH24	Bình Định	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	6.0	7.5	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.3	Khá		
59	24Y3090059	Bùi Nguyễn Khánh Ly	12-01-2006	HAYH24	Bình Định	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.8	Khá		
60	24Y3090060	Nguyễn Mai Ly	24-01-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.2	Khá			
61	24Y3090061	Nguyễn Thị Cẩm Ly	16-09-2006	HAYH24	Quảng Trị	10.0	8.0	8.0	8.4	6.0	6.7	10.0	9.0	9.0	9.2	8.0	8.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	10.0	9.6	8.1	Khá		
62	24Y3090062	Nguyễn Thị Hương Ly	20-08-2006	HAYH24	Quảng Trị	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	9.0	10.0	9.0	9.4	8.0	8.6	8.0	8.0	9.0	8.5	7.0	7.6	8.1	Khá		
63	24Y3090063	Đình Xuân Mạnh	04-04-2006	HAYH24	Nghệ An	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	10.0	9.0	9.1	9.0	9.1	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.1	Khá		
64	24Y3090064	Lê Ngọc Minh	11-09-2006	HAYH24	TP. HCM	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	6.8	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	7.0	10.0	9.0	9.0	9.0	7.7	Khá		
65	24Y3090065	Huỳnh Thị Diễm My	02-10-2006	HAYH24	TT Huế	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	7.0	8.3	9.0	8.7	8.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.4	Khá		
66	24Y3090067	Nguyễn Xuân Nhật	02-03-2006	HAYH24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	4.0	.	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	7.0	8.3	0.0	.	8.0	7.0	9.0	8.3	6.0	6.9	.		VINQC HP3	
67	24Y3090066	Nguyễn Ngọc Bảo Nam	05-04-2006	HAYH24	Nghệ An	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	5.0	6.1	9.0	10.0	9.0	9.4	8.0	8.6	8.0	7.0	8.0	7.8	5.0	6.1	7.3	Khá		
68	24Y3090068	Võ Thị Kim Ngân	20-12-2006	HAYH24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	9.0	9.0	7.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.4	Khá	
69	24Y3090070	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	19-06-2006	HAYH24	TT Huế	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá		
70	24Y3090072	Hồ Huy Nguyên	17-06-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	Khá		
71	24Y3090073	Lê Công Nguyên	18-10-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.5	Khá		
72	24Y3090074	Nguyễn Đại Thành Nhân	01-11-2006	HAYH24	Quảng Bình	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.5	9.0	9.0	7.0	8.3	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	0.0	.	.			
73	24Y3090075	Đặng Ngọc Minh Nhật	06-01-2006	HAYH24	TT Huế	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	9.0	9.0	9.2	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	10.0	9.6	8.1	Khá		
74	24Y3090078	Nguyễn Văn Nhật	01-11-2006	HAYH24	Khánh Hòa	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	9.0	7.0	8.3	9.0	8.7	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.3	Khá		
75	24Y3090079	Trần Minh Nhật	03-01-2006	HAYH24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	7.0	8.3	9.0	8.7	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.1	Khá		
76	24Y3090076	Lê Quốc Nhật	26-02-2006	HAYH24	TT Huế	10.0	8.0	8.0	8.4	5.0	6.0	10.0	9.0	8.0	8.8	7.0	7.5	9.0	9.0	7.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	9.0	8.5	7.0	7.6	7.0	Khá		
77	24Y3090077	Nguyễn Hồ Lương Nhật	26-01-2006	HAYH24	Quảng Bình	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	7.0	9.0	8.3	6.0	6.9	7.3	Khá		
78	24Y3090083	Phạm Thị Yến Nhi	30-07-2006	HAYH24	Nghệ An	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	6.8	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8	Khá	
79	24Y3090080	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	09-01-2006	HAYH24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.8	Khá		
80	24Y3090081	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	26-08-2006	HAYH24	TT Huế	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	10.0	9.0	9.4	9.0	9.2	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	8.1	Khá		
81	24Y3090082	Nguyễn Thị Yến Nhi	02-07-2005	HAYH24	TT Huế	10.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	10.0	9.0	9.0	9.2	8.0	8.4	10.0	10.0	9.0	9.6	9.0	9.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.4	Khá		
82	24Y3090085	Nguyễn Hồ Quỳnh Như	22-08-2006	HAYH24	Đắk Lắk	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.2	Khá		
83	24Y3090086	Nguyễn Quỳnh Như	18-03-2006	HAYH24	Phù Yên	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	9.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.9	Khá		
84	24Y3090087	Nguyễn Thị Cẩm Như	05-10-2006	HAYH24	Đắk Lắk	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	9.0	9.2	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.4	Khá		
85	24Y3090088	Hoàng Thị Ngọc Nhung	08-09-2006	HAYH24	Quảng Trị	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	8.1	Khá		
86	24Y3090089	Phan Văn Pháp	28-07-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.9	Khá		
87	24Y3090090	Nguyễn Tuấn Phi	14-04-2006	HAYH24	Nghệ An	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.1	8.0	10.0	8.0	8.8	8.0	8.3	8.0	7.0	9.0	8.3	6.0	6.9	7.4	Khá		
88	24Y3090091	Nguyễn Đình Phú	21-04-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	6.9	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.6	Khá		
89	24Y3090092	Nguyễn Nhật Phú	02-10-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	9.0	8.5	5.0	6.4	7.7	Khá		

TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	CC	KTTX		QT	DT	TB	CC	KTTX		QT	DT	TB	CC	KT	TH	QT	DT	TB	CC	KT	TH	QT	DT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú
							L1	L2					L1	L2																		
90	24Y3090094	Phạm Văn Phúc	10-08-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	9,0	9,0	9,0	9,0	7,6	9,0	9,0	9,0	7,0	8,3	0,0	.	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	.	VPQC HP3
91	24Y3090093	Phạm Lê Hoàng Phúc	07-10-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	8,0	10,0	9,0	9,1	8,0	8,5	8,0	7,0	9,0	8,3	6,0	6,9	7,3	Khá	
92	24Y3090095	Hoàng Nhật Đức	05-02-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	7,0	8,3	8,0	8,1	8,0	8,0	8,0	9,0	8,6	8,0	Khá		
93	24Y3090096	Nguyễn Lê Mai	16-08-2006	HAYH24	Đà Nẵng	9,0	8,0	7,0	7,8	9,0	8,6	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	10,0	8,0	9,0	9,0	9,0	8,0	7,0	8,0	7,8	6,0	6,7	8,2	Khá	
94	24Y3090099	Trịnh Minh Quân	23-03-2006	HAYH24	Quảng Trị	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	10,0	8,0	9,0	8,0	8,4	9,0	7,0	9,0	8,5	7,0	7,6	7,6	Khá	
95	24Y3090098	Lê Nguyễn Phúc Quân	15-05-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,5	8,0	10,0	9,0	9,1	9,0	9,1	8,0	7,0	9,0	8,3	9,0	8,7	8,3	Khá	
96	24Y3090100	Văn Đức Anh	12-10-2005	HAYH24	Nghệ An	9,0	7,0	8,0	7,8	7,0	7,2	9,0	8,0	8,0	8,2	5,0	6,0	8,0	9,0	9,0	8,8	8,0	8,3	9,0	8,0	9,0	8,8	5,0	6,5	7,0	Khá	
97	24Y3090097	Bùi Vũ Anh	10-06-2006	HAYH24	Lâm Đồng	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	8,0	9,0	9,0	8,8	8,0	8,3	9,0	7,0	8,0	8,0	7,0	7,4	7,8	Khá	
98	24Y3090101	Võ Hồng Quân	27-02-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	10,0	9,0	9,4	8,0	8,6	9,0	7,0	9,0	8,5	8,0	8,2	7,8	Khá	
99	24Y3090102	Võ Văn Quốc	29-09-2006	HAYH24	Quảng Trị	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	10,0	8,0	9,0	8,0	8,4	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,9	8,1	Khá	
100	24Y3090103	Lê Đắc Quý	01-08-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	5,0	6,0	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,5	9,0	9,0	7,0	8,3	0,0	.	8,0	6,0	8,0	7,5	9,0	8,4	.	VPQC HP3	
101	24Y3090105	Võ Lê Bảo Quý	09-08-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	7,0	8,0	7,8	6,0	6,5	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	9,0	10,0	9,0	9,4	8,0	8,6	9,0	7,0	9,0	8,5	9,0	8,8	7,7	Khá	
102	24Y3090106	Hồ Đỗ Như Quỳnh	22-12-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	0,0	.	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	7,0	7,9	7,0	7,4	8,0	7,0	8,0	7,8	9,0	8,5	.	VPQC Hp1	
103	24Y3090107	Trần Thị Như Quỳnh	22-04-2005	HAYH24	Quảng Trị	10,0	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,4	8,0	7,0	9,0	8,3	5,0	6,3	7,8	Khá	
104	24Y3090148	Lương Thế Tài	18-02-2005	HAYH24	Nghệ An	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,6	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,7	8,0	7,0	9,0	8,3	8,0	8,1	7,6	Khá	
105	24Y3090108	Hồ Đình Minh Tài	30-01-2006	HAYH24	Nghệ An	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	8,0	10,0	9,0	9,1	9,0	9,1	8,0	7,0	9,0	8,3	5,0	6,3	7,5	Khá	
106	24Y3090110	Nguyễn Thanh Tâm	10-09-2006	HAYH24	Quảng Ngãi	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
107	24Y3090111	Nguyễn Văn Huỳnh Tân	04-06-2006	HAYH24	Quảng Nam	9,0	8,0	8,0	8,2	4,0	.	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	8,0	7,0	7,9	6,0	6,8	8,0	7,0	8,0	7,8	9,0	8,5	.		
108	24Y3090112	Lê Quang Quốc Thắng	18-08-2003	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	8,0	7,0	8,0	7,8	0,0	.	.		
109	24Y3090113	Bùi Đình Thế	18-04-2006	HAYH24	Nghệ An	9,0	8,0	8,0	8,2	.	.	9,0	8,0	8,0	8,2	.	.	10,0	.	3,8	.	.	9,0	7,0	9,0	8,5	.	.	.	Bảo lưu		
110	24Y3090115	Trần Nguyễn Đình Thịnh	14-02-2006	HAYH24	Nghệ An	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	8,0	9,0	8,0	8,4	7,0	7,6	8,0	7,0	8,0	7,8	6,0	6,7	7,6	Khá	
111	24Y3090118	Trần Phan Anh Thư	01-02-2006	HAYH24	TT Huế	10,0	8,0	7,0	8,0	8,0	8,0	10,0	9,0	8,0	8,8	8,0	8,2	10,0	10,0	9,0	9,6	9,0	9,3	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	8,4	Khá	
112	24Y3090116	Đặng Anh Thư	22-07-2006	HAYH24	Phù Yên	10,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,3	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	8,0	9,0	8,0	8,4	8,0	8,2	9,0	7,0	9,0	8,5	8,0	8,2	7,9	Khá	
113	24Y3090120	Nguyễn Trịnh Anh Thương	07-01-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	5,0	6,0	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	9,0	8,0	8,0	8,3	7,0	7,5	8,0	7,0	8,0	7,8	9,0	8,5	7,0	Khá	
114	24Y3090121	Lê Gia Uyên Thy	27-06-2006	HAYH24	Gia Lai	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	8,0	10,0	8,0	8,8	9,0	8,9	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	8,3	Khá	
115	24Y3090149	Cao Ngọc Trâm	24-06-2005	HAYH24	Thanh Hóa	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	10,0	8,0	9,0	8,0	8,4	8,0	7,0	9,0	8,3	0,0	.	.		
116	24Y3090123	Lê Duy Minh Triết	15-12-2006	HAYH24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	8,0	8,0	8,0	8,0	5,0	6,2	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,9	7,0	Khá	
117	24Y3090125	Nguyễn Dương Thanh Trọng	16-08-2006	HAYH24	Đắk Lắk	9,0	8,0	8,0	8,2	0,0	.	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,6	9,0	9,0	7,0	8,3	6,0	6,9	8,0	8,0	9,0	8,5	7,0	7,6	.	VPQC Hp1	
118	24Y3090127	Bùi Quang Trung	10-11-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9,0	8,0	8,0	8,2	5,0	6,0	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	9,0	7,0	8,3	7,0	7,5	8,0	7,0	8,0	7,8	9,0	8,5	7,4	Khá	
119	24Y3090129	Ngô Tá Trường	02-11-2005	HAYH24	Đắk Lắk	9,0	8,0	7,0	7,8	7,0	7,2	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	7,0	8,3	7,0	7,5	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,6	Khá	
120	24Y3090131	Trịnh Quang Tự	22-05-2006	HAYH24	Quảng Nam	9,0	7,0	8,0	7,8	7,0	7,2	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	8,0	7,0	7,9	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	5,0	6,2	7,4	Khá	
121	24Y3090133	Trịnh Thái Tuấn	19-03-2006	HAYH24	Khánh Hòa	9,0	8,0	8,0	8,2	3,0	.	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	9,0	8,0	7,0	7,9	8,0	8,0	8,0	7,0	8,0	7,8	6,0	6,7	.		

TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			TX
122	24Y3090132	Lê Minh Tuấn	25-08-2006	HAYH24	Quảng Trị	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	6.8	9.0	8.0	6.0	7.5	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.3	Khá	
123	24Y3090134	Trần Hoàng Tùng	09-02-2006	HAYH24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.3	Khá		
124	24Y3090135	Nguyễn Thị Tuyết	26-03-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.9	9.0	8.6	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.3	Khá		
125	24Y3090136	Nguyễn Thị Phương Uyên	26-02-2006	HAYH24	Quảng Nam	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.7	7.3	Khá		
126	24Y3090138	Lê Thị Kiều Vân	27-02-2006	HAYH24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	8.0	7.0	9.0	8.3	9.0	8.7	8.5	Giỏi		
127	24Y3090137	Lê Hoàng Khánh Vân	02-09-2006	HAYH24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	8.0	8.6	3.0	.	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	.		
128	24Y3090139	Dụng Văn Việt	10-12-2006	HAYH24	TT Huế	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	9.0	9.0	9.2	8.0	8.4	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.1	Khá		
129	24Y3090140	Nguyễn Văn Tuấn	31-07-2006	HAYH24	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.9	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.5	7.7	Khá		
130	24Y3090141	Phan Đặng Gia Vinh	16-02-2006	HAYH24	Khánh Hòa	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	6.0	7.5	5.0	6.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.5	Khá		
131	24Y3090142	Mai Huy Vũ	11-10-2006	HAYH24	Thanh Hóa	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	6.0	7.9	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.3	Khá		
132	24Y3090143	Hồ Thủy Vy	09-03-2006	HAYH24	Đông Nai	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.5	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.7	Khá		
133	24Y3090145	Trần Vũ Thanh Vy	20-11-2006	HAYH24	Lâm Đồng	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	10.0	9.0	9.1	9.0	9.1	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá		
134	24Y3090146	Phùng Thị Xuân	02-03-2006	HAYH24	Nghệ An	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.5	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.1	Khá		
135	24Y3090147	Huỳnh Nhã Ý	10-03-2006	HAYH24	Bình Định	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	Khá		
136	24Y3100001	Đặng Thị Thùy Diễm	05-12-2006	HS24	Hà Tĩnh	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	9.0	9.0	9.2	8.0	8.4	9.0	8.0	7.0	7.9	6.0	6.8	9.0	9.0	8.0	8.5	6.0	7.0	7.4	Khá		
137	24Y3100003	Võ Ngọc Hà Giang	10-07-2006	HS24	Quảng Trị	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	8.2	Khá		
138	24Y3100004	Châu Gia Hân	13-10-2006	HS24	TP. HCM	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.9	Khá		
139	24Y3100005	Nguyễn Thị Phương Mai	02-01-2006	HS24	Hà Giang	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	6.8	8.0	10.0	9.0	9.1	6.0	7.3	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá		
140	24Y3100007	Nguyễn Thị Kiều My	30-03-2006	HS24	Lâm Đồng	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	10.0	9.0	9.4	8.0	8.6	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	8.0	Khá		
141	24Y3100008	Nguyễn Thị Trà My	06-08-2006	HS24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	9.0	9.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.4	Khá		
142	24Y3100011	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	05-08-2006	HS24	Đắk Nông	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	7.0	7.9	7.0	7.4	8.0	9.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.1	Khá		
143	24Y3100009	Hoàng Thị Thuý Ngọc	09-07-2006	HS24	Đắk Lắk	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.4	Khá		
144	24Y3100012	Phạm Nguyễn Bình Nguyên	07-06-2006	HS24	Quảng Bình	10.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.3	Khá		
145	24Y3100013	Nguyễn Thanh Nhã	17-02-2006	HS24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.5	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.1	Khá		
146	24Y3100014	Nguyễn Thị Mỹ Nhân	06-12-2006	HS24	Bình Định	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	9.0	9.2	8.0	8.0	9.0	8.5	6.0	7.0	8.1	Khá		
147	24Y3100015	Lê Thị Bảo Nhi	03-05-2006	HS24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	9.0	9.2	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.4	Khá		
148	24Y3100018	Phan Xuân Ngọc Phúc	02-12-2006	HS24	Đà Nẵng	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	10.0	8.0	8.8	8.0	8.3	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.8	Khá		
149	24Y3100019	Nguyễn Vĩnh Mai Quỳnh	03-01-2006	HS24	Bình Định	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	10.0	9.0	9.4	9.0	9.2	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.5	Giỏi		
150	24Y3100020	Võ Đông Sương	15-06-2006	HS24	Bình Định	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	8.0	8.6	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	8.2	Khá		
151	24Y3100021	Nguyễn Lê Phương Thanh	06-11-2006	HS24	Quảng Bình	10.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	10.0	9.0	9.0	9.2	7.0	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	8.8	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.3	Khá		
152	24Y3100022	Phạm Bùi Thu Thảo	08-09-2006	HS24	Gia Lai	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	8.0	7.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.2	Khá		
153	24Y3100024	Nguyễn Thị Huỳnh Thuy	18-12-2006	HS24	Quảng Nam	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	7.0	8.3	9.0	8.7	8.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá		

STT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			HP
4	24Y3100025	Lê Nguyễn Việt	Trần	07-01-2006	HS24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.6	8.0	Khá	
5	24Y3100026	Lê Thị Quỳnh	Trang	12-09-2006	HS24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	7.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.2	Khá	
6	24Y3100028	Nguyễn Anh	Tuấn	06-03-1998	HS24	Phủ Yên	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.7	Khá	
7	24Y3100029	Nguyễn Hoàng Thảo	Vi	17-05-2006	HS24	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	9.0	9.2	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.6	Giỏi	
8	24Y3100030	Nguyễn Thị Như	Ý	24-11-2006	HS24	TP HCM	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	7.0	9.0	8.5	7.0	7.6	7.7	Khá	
9	24Y3050002	Thái Quốc	An	30-01-2006	XNYH24A	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	9.0	8.3	5.0	6.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.2	Khá	
10	24Y3050010	Nguyễn Thị Kiều	Anh	18-01-2006	XNYH24A	Khánh Hòa	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.7	Khá	
11	24Y3050009	Hoàng Thị Kim	Anh	27-09-2006	XNYH24A	Quảng Bình	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.6	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.4	Khá	
12	24Y3050014	Trần Phương	Anh	27-09-2006	XNYH24A	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.7	Khá	
13	24Y3050016	Trần Thực	Anh	18-07-2006	XNYH24A	Nghệ An	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.7	Khá	
14	24Y3050017	Nguyễn Như	Bảo	23-09-2006	XNYH24A	Quảng Nam	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	9.0	8.6	5.0	6.5	8.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.7	6.9	Trung bình	
15	24Y3050022	Lê Nguyễn Kỳ	Châu	14-10-2006	XNYH24A	Nghệ An	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá	
16	24Y3050023	Lê Thị Khánh	Chi	23-11-2006	XNYH24A	Quảng Trị	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá	
17	24Y3050026	Võ Hồng	Cúc	01-04-2006	XNYH24A	Ninh Thuận	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	10.0	9.0	9.4	9.0	9.2	9.0	8.0	9.0	8.8	10.0	9.5	8.4	Khá	
18	24Y3050031	Nguyễn Thị	Diễm	20-07-2006	XNYH24A	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	9.0	8.0	8.0	8.2	0.0	.	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	.	VPOC Hp2	
19	24Y3050032	Mai Văn	Du	01-08-2005	XNYH24A	Quảng Trị	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	5.0	9.0	8.0	8.0	8.0	7.8	Khá	
20	24Y3050033	Trịnh Đăng	Đức	02-03-2006	XNYH24A	Thanh Hóa	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.2	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.5	Khá	
21	24Y3050038	Đặng Nguyễn Tấn	Dũng	10-10-2005	XNYH24A	Nam Định	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.2	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	.	Khá	
22	24Y3050041	Nguyễn Anh	Dương	02-03-2006	XNYH24A	Gia Lai	9.0	8.0	8.0	8.2	2.0	.	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	.	Khá	
23	24Y3050043	Nguyễn Hoàng Anh	Duy	19-01-2006	XNYH24A	Đắk Nông	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.1	9.0	8.0	7.0	7.8	0.0	.	.	Khá	
24	24Y3050044	Nguyễn Xuân Vũ	Duy	19-08-2006	XNYH24A	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.6	Khá	
25	24Y3050045	Lê Ngọc	Duyên	16-09-2005	XNYH24A	Khánh Hòa	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.6	9.0	10.0	9.0	9.4	8.0	8.6	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	Khá	
26	24Y3050047	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	07-10-2006	XNYH24A	Bình Định	10.0	8.0	8.0	8.4	6.0	6.7	10.0	8.0	8.0	8.4	6.0	6.7	10.0	9.0	9.0	9.3	7.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.4	Khá	
27	24Y3050048	Phạm Thị Mỹ	Duyên	07-03-2006	XNYH24A	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.3	Khá	
28	24Y3050049	Phan Thị Mỹ	Duyên	16-01-2006	XNYH24A	Đà Nẵng	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.9	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá	
29	24Y3050051	Dương Hoàng	Giăng	29-04-2006	XNYH24A	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.3	Khá	
30	24Y3050053	Nguyễn Thị	Hà	18-03-2006	XNYH24A	Phủ Yên	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	0.0	.	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	.	VPOC Hp2	
31	24Y3050057	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	29-01-2006	XNYH24A	Lâm Đồng	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá	
32	24Y3050058	Trần Thị	Hằng	26-01-2006	XNYH24A	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.3	Khá	
33	24Y3050060	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	30-06-2006	XNYH24A	Đắk Lắk	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	9.0	9.2	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.1	Khá	
34	24Y3050062	Nguyễn Công	Hậu	02-06-2006	XNYH24A	Quảng Nam	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	9.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.5	Khá	
35	24Y3050063	Cù Thủy	Hiền	02-11-2006	XNYH24A	Yên Bái	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá	

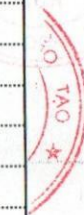
TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	CC	KTTX		QT	DT	TB	CC	KTTX		QT	DT	TB	CC	KT	TH	QT	DT	TB	CC	KT	TH	QT	DT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú
							L1	L2					L1	L2																		
186	24Y3050069	Phạm Hoàng	21-11-2004	XNYH24A	Dăk Lăk	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	8.0	8.5	6.0	7.0	7.8	Khá	
187	24Y3050070	Trần Huy Hoàng	16-06-2006	XNYH24A	Bình Định	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	9.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	6.7	Trung bình	
188	24Y3050072	Nguyễn Thế Hưng	29-06-2006	XNYH24A	Quảng Nam	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	9.0	8.3	5.0	6.3	8.0	7.0	9.0	8.3	9.0	8.7	7.4	Khá	
189	24Y3050073	Nguyễn Tuấn Hưng	06-03-2006	XNYH24A	TP. HCM	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	9.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.		
190	24Y3050078	Tạ Phạm Thanh Hương	24-02-2006	XNYH24A	Bình Định	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	6.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.9	Khá	
191	24Y3050076	Đỗ Thị Thảo Hương	20-03-2006	XNYH24A	Quảng Bình	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.2	Khá	
192	24Y3050075	Đặng Mai Hương	16-07-2006	XNYH24A	Dăk Lăk	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.2	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.2	Khá	
193	24Y3050079	Nguyễn Thanh Hường	21-02-2006	XNYH24A	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	9.0	8.4	7.0	7.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá	
194	24Y3050083	Trần Khánh Huyền	19-12-2006	XNYH24A	Nghệ An	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.2	Khá	
195	24Y3050086	Huỳnh Quốc Khánh	02-09-2006	XNYH24A	Dăk Lăk	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	9.0	8.3	5.0	6.3	8.0	5.0	9.0	7.8	6.0	6.7	6.7	Trung bình	
196	24Y3050087	Trần Tuấn Kiệt	29-04-2006	XNYH24A	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.6	Khá	
197	23Y3050063	Dương Danh Anh Kiệt	18-05-2005	XNYH24A	Dăk Nông	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	6.0	9.0	7.9	6.0	6.8	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.2	Khá	
198	24Y3050091	Nguyễn Nữ Hoa Lài	08-08-2006	XNYH24A	Quảng Bình	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.7	Khá	
199	24Y3050094	Nguyễn Khánh Linh	09-10-2006	XNYH24A	Quảng Trị	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.9	Khá	
200	24Y3050093	Lê Thị Khánh Linh	16-02-2006	XNYH24A	Dăk Lăk	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.9	Khá	
201	24Y3050097	Phạm Ngọc Huyền Linh	10-09-2006	XNYH24A	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.9	Khá	
202	24Y3050101	Trần Thị Trúc Ly	02-09-2006	XNYH24A	Phủ Yên	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.8	Khá	
203	23Y3050085	Nguyễn Thị Huyền Mỹ	14-09-2005	XNYH24A	Hà Tĩnh	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	9.0	7.0	8.0	6.0	6.8	7.4	Khá	
204	24Y3050111	Huỳnh Thanh Ngân	28-11-2006	XNYH24A	Quảng Ngãi	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá	
205	24Y3050112	Đỗ Thị Kim Ngọc	30-05-2006	XNYH24A	Dăk Lăk	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	8.5	7.8	Khá	
206	24Y3050117	Võ Thảo Nguyễn	29-10-2006	XNYH24A	Phủ Yên	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	9.0	9.2	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.3	Khá	
207	24Y3050122	Cao Đặng Hoàng Nhật	10-01-2006	XNYH24A	Hà Tĩnh	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	8.0	8.0	8.4	9.0	8.8	10.0	9.0	9.0	9.3	7.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.1	Khá	
208	24Y3050123	Phạm Quang Nhật	30-06-2006	XNYH24A	Quảng Nam	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.7	Khá	
209	24Y3050124	Hồ Thị Ái Nhi	18-08-2006	XNYH24A	TT Huế	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	6.0	9.0	9.0	8.3	6.0	6.9	10.0	8.0	7.0	8.0	9.0	8.6	8.0	Khá	
210	24Y3050128	Nguyễn Thị Yến Nhi	03-11-2004	XNYH24A	Đà Nẵng	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.7	Khá	
211	24Y3050132	Trần Thị Thu Nhi	29-05-2006	XNYH24A	Khánh Hòa	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.6	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.7	Khá	
212	24Y3050140	H Gê Sĩa Niê	23-11-2006	XNYH24A	Dăk Lăk	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.7	Khá	
213	24Y3050141	Trần Việt Nữ	10-09-2006	XNYH24A	Bình Phước	9.0	8.0	8.0	8.2	0.0	.	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	.	VPQC Hp1	
214	24Y3050142	Hoàng Châu Như Pha	04-03-2006	XNYH24A	TT Huế	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.9	Khá	
215	24Y3050146	Huỳnh Phan Khánh Phương	15-07-2006	XNYH24A	Kon Tum	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	8.0	8.6	9.0	9.0	9.0	9.0	10.0	9.6	8.3	Khá	
216	24Y3050149	Thân Trọng Quang	05-06-2006	XNYH24A	Bình Định	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.5	7.0	7.2	9.0	7.0	9.0	8.5	6.0	7.0	7.4	Khá	
217	24Y3050152	Lê Diễm Quỳnh	22-02-2006	XNYH24A	Bình Phước	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.5	6.0	7.0	7.6	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	CC	KTTX		QT	DT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	DT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	DT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	DT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			
218	24Y3050133	Lê Thị Như	Quỳnh	25-10-2006	XNYH24A	Hà Tĩnh	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	8,0	9,0	9,0	8,8	8,0	8,3	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	7,7	Khá	
219	24Y3050155	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	01-02-2006	XNYH24A	Quảng Nam	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	8,0	9,0	8,0	8,4	8,0	8,2	9,0	7,0	8,0	8,0	5,0	6,2	7,7	Khá	
220	24Y3050156	Trần Xuân	Sĩ	14-04-2006	XNYH24A	Đắk Lắk	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	9,0	7,0	8,0	7,9	4,0	8,0	7,0	8,0	7,8	6,0	6,7				
221	24Y3050157	Lê Thị	Sinh	15-10-2006	XNYH24A	Thanh Hóa	9,0	8,0	8,0	8,2	9,0	8,8	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,0	8,3	9,0	8,7	8,6	Giỏi	
222	24Y3050158	Lê Đình	Sơn	28-06-2006	XNYH24A	Gia Lai	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	8,0	9,0	9,0	8,8	7,0	7,7	9,0	8,0	7,0	7,8	6,0	6,7	7,7	Khá	
223	24Y3050164	Trần Thị	Thanh	08-03-2006	XNYH24A	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	7,0	8,3	7,0	7,5	8,0	9,0	8,0	8,3	9,0	8,7	8,1	Khá	
224	24Y3050168	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24-04-2006	XNYH24A	Hà Tĩnh	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	8,0	9,0	8,8	10,0	9,5	8,4	Khá	
225	24Y3050169	Nguyễn Mai	Thị	19-06-2006	XNYH24A	Quảng Trị	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,7	9,0	8,0	7,0	7,8	7,0	7,3	7,8	Khá	
226	24Y3050170	Nguyễn Trường	Thị	04-03-2006	XNYH24A	TT Huế	9,0	7,0	8,0	7,8	7,0	7,2	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,7	9,0	9,0	9,0	9,0	6,0	7,2	7,3	Khá	
227	24Y3050171	Đặng Anh	Thư	22-05-2006	XNYH24A	Khánh Hòa	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	8,0	8,0	9,0	8,4	8,0	8,2	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	8,1	Khá	
228	24Y3050174	Phan Trần Thanh	Thúy	09-10-2006	XNYH24A	Bình Định	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	9,0	8,8	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,4	9,0	8,0	7,0	7,8	9,0	8,5	8,4	Khá	
229	24Y3050177	Nguyễn Cẩm	Tiên	27-02-2006	XNYH24A	Tây Ninh	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,7	9,0	8,0	7,0	7,8	9,0	8,5	7,9	Khá	
230	24Y3050181	Võ Mai Ý	Toàn	03-02-2006	XNYH24A	Quảng Ngãi	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,4	9,0	8,0	8,0	8,3	6,0	6,9	7,9	Khá	
231	24Y3050187	Hán Ngọc Tuyết	Trần	12-12-2006	XNYH24A	Ninh Thuận	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,9	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,8	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	8,0	Khá	
232	24Y3050189	Nguyễn Thị Tuyết	Trần	03-05-2005	XNYH24A	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	7,0	9,0	8,3	9,0	8,7	9,0	8,0	8,0	8,3	5,0	6,3	7,8	Khá	
233	24Y3050192	Lê Thị Thu	Trang	06-03-2006	XNYH24A	Hà Tĩnh	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,3	9,0	10,0	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	9,0	8,8	5,0	6,5	8,0	Khá	
234	24Y3050195	Nguyễn Thị Minh	Trang	08-05-2006	XNYH24A	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	9,0	9,0	9,0	5,0	6,6	8,0	Khá	
235	24Y3050194	Nguyễn Huyền	Trang	10-07-2006	XNYH24A	Bình Định	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,8	9,0	8,0	8,0	8,3	6,0	6,9	7,6	Khá	
236	24Y3050196	Nguyễn Thị Nhã	Trang	06-10-2006	XNYH24A	Quảng Ngãi	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,8	9,0	8,0	8,0	8,3	6,0	6,9	7,5	Khá	
237	24Y3050197	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25-05-2006	XNYH24A	Nghệ An	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,0	8,3	5,0	6,3	7,9	Khá	
238	24Y3050204	Hà Dũng	Tuấn	16-02-2006	XNYH24A	Quảng Bình	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,3	7,0	7,5	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	7,3	Khá	
239	24Y3050207	Võ Thị Vi	Tuyền	07-05-2006	XNYH24A	Quảng Ngãi	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,3	9,0	8,0	8,0	8,3	6,0	6,9	7,3	Khá	
240	24Y3050208	Bùi Ngọc	Uyên	07-07-2005	XNYH24A	Quảng Nam	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,4	9,0	8,0	8,0	8,3	9,0	8,7	8,3	Khá	
241	24Y3050209	Cao Hồ Cẩm	Uyên	08-08-2006	XNYH24A	Quảng Ngãi	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	7,0	8,0	7,8	9,0	8,6	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,7	9,0	8,0	8,0	8,3	9,0	8,7	8,2	Khá	
242	24Y3050210	Lê Hoàng	Uyên	22-08-2006	XNYH24A	Quảng Nam	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	8,0	8,0	5,0	6,2	7,5	Khá	
243	24Y3050211	Bạch Thị Y	Va	21-10-2006	XNYH24A	Quảng Ngãi	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	9,0	8,8	8,0	8,0	9,0	8,4	7,0	7,6	9,0	8,0	7,0	7,8	6,0	6,7	7,8	Khá	
244	24Y3050212	Hoàng Thị Yến	Vi	08-01-2006	XNYH24A	Quảng Bình	9,0	8,0	8,0	8,2	9,0	8,8	9,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,9	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,3	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	8,3	Khá	
245	24Y3050215	Lê Phước Long	Vũ	13-08-2006	XNYH24A	TT Huế	9,0	7,0	8,0	7,8	7,0	7,2	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	6,0	8,0	7,5	5,0	6,0	8,0	8,0	9,0	8,5	6,0	7,0	6,9	Trung bình	
246	24Y3050221	Nguyễn Thị Nhã	Yến	29-05-2006	XNYH24A	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	9,0	8,8	9,0	8,0	8,0	8,2	9,0	8,8	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,8	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	8,4	Khá	
247	24Y3050004	Trần Thiên	Ân	08-09-2006	XNYH24B	Gia Lai	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,3	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	8,3	Khá	
248	24Y3050005	Bùi Như	Anh	06-12-2006	XNYH24B	Hà Tĩnh	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	9,0	8,9	9,0	8,0	10,0	9,3	9,0	9,1	8,5	Giỏi	
249	24Y3050007	Đỗ Lý Hoàng	Anh	30-06-2006	XNYH24B	Gia Lai	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	10,0	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	10,0	9,3	10,0	9,7	8,3	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			
250	24Y3050011	Nguyễn Thị Lan	Anh	09-09-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	9,0	8,9	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,7	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	8,0	Khá	
251	24Y3050012	Phan Trương Lan	Anh	18-01-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	7,0	8,0	7,9	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	7,6	Khá	
252	24Y3050006	Đỗ Hoàng Đan	Anh	28-01-2006	XNYH24B	Gia Lai	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	6,0	6,8	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	8,0	9,0	8,8	6,0	7,1	7,6	Khá	
253	24Y3050008	Dương Lê Thủy	Anh	01-06-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	10,0	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,8	10,0	9,5	8,4	Khá		
254	24Y3050015	Trần Thị Trâm	Anh	31-03-2006	XNYH24B	Nghệ An	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,3	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	8,2	Khá	
255	24Y3050018	Trần Quốc	Bảo	26-10-2006	XNYH24B	Khánh Hòa	9,0	8,0	7,0	7,8	7,0	7,2	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,3	5,0	6,3	9,0	7,0	9,0	8,5	7,0	7,6	7,1	Khá	
256	24Y3050019	Vi Thị Bích	Bích	09-11-2006	XNYH24B	Đắk Lắk	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,5	Giỏi	
257	24Y3050020	Nguyễn Thị	Bình	05-08-2006	XNYH24B	Hà Tĩnh	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,5	9,0	10,0	8,0	9,0	8,0	8,4	9,0	9,0	10,0	9,5	9,0	9,2	8,3	Khá	
258	24Y3050024	Nguyễn Thị Kim	Chi	16-02-2006	XNYH24B	Quảng Trị	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,4	9,0	8,0	10,0	9,3	9,0	9,1	8,2	Khá	
259	24Y3050028	Đặng Khoa	Đạt	12-09-2006	XNYH24B	Bình Định	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	6,0	7,1	9,0	8,0	10,0	9,3	8,0	8,5	7,7	Khá	
260	24Y3050030	Trần Văn	Đạt	22-04-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,7	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	7,8	Khá	
261	24Y3050029	Lê Tiến	Đạt	27-01-2006	XNYH24B	Phu Yên	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,7	9,0	8,0	8,0	8,3	5,0	6,3	7,3	Khá	
262	24Y3050033	Lê Thị	Dur	29-06-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	6,0	6,7	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,7	9,0	8,0	9,0	8,8	7,0	7,7	7,4	Khá	
263	24Y3050040	Lê Thị Ánh	Dương	01-02-2006	XNYH24B	Quảng Trị	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,3	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	8,1	Khá	
264	24Y3050046	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	11-08-2006	XNYH24B	Quảng Ngãi	9,0	8,0	7,0	7,8	7,0	7,2	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,3	9,0	8,0	8,0	8,3	9,0	8,7	7,8	Khá	
265	24Y3050050	Trần Thị Mỹ	Duyên	17-01-2006	XNYH24B	Bình Định	10,0	8,0	8,0	8,4	5,0	6,0	9,0	9,0	9,0	9,0	6,0	6,9	9,0	8,0	8,0	8,3	5,0	6,3	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	6,9	Trung bình	
266	24Y3050052	Lê Thị	Hà	12-02-2006	XNYH24B	Nghệ An	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	9,0	8,9	9,0	8,0	10,0	9,3	6,0	7,3	8,1	Khá	
267	24Y3050054	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06-12-2006	XNYH24B	Bà Rịa - Vũng Tàu	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,4	9,0	8,0	9,0	8,8	6,0	7,1	7,6	Khá	
268	24Y3050055	Lê Đức	Hải	14-11-2006	XNYH24B	Quảng Bình	10,0	7,0	7,0	7,6	8,0	7,9	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	7,0	9,0	8,3	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,8	10,0	9,5	8,3	Khá	
269	24Y3050064	Phạm Quốc	Hiền	13-07-2006	XNYH24B	Đắk Lắk	10,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,3	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	9,0	8,0	8,0	8,3	7,0	7,5	9,0	7,0	9,0	8,5	9,0	8,8	7,7	Khá	
270	24Y3050066	Phan Công	Hiếu	02-06-2006	XNYH24B	Quảng Nam	9,0	8,0	8,0	8,2	5,0	6,0	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,3	9,0	8,0	7,0	7,8	9,0	8,5	7,3	Khá	
271	24Y3050068	Nguyễn Thị	Hòa	06-06-2006	XNYH24B	Hà Tĩnh	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	9,0	10,0	9,5	9,0	9,2	8,6	Giỏi	
272	24Y3050067	Nguyễn	Hòa	17-05-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,3	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,7	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	8,2	Khá	
273	24Y3050071	Nguyễn Hồng	Hưng	24-10-2006	XNYH24B	Nghệ An	10,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,3	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,7	9,0	7,0	9,0	8,5	9,0	8,8	7,7	Khá	
274	24Y3050074	Nguyễn Vinh	Hưng	04-09-2006	XNYH24B	Đà Nẵng	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	10,0	8,0	8,0	8,4	6,0	6,7	10,0	9,0	9,0	9,3	7,0	7,9	10,0	7,0	8,0	8,3	10,0	9,3	8,0	Khá	
275	24Y3050080	Lê Khánh	Huyền	23-04-2006	XNYH24B	Quảng Bình	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	9,0	10,0	9,5	6,0	7,4	8,0	Khá	
276	24Y3050082	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13-11-2006	XNYH24B	TT Huế	9,0	7,0	8,0	7,8	7,0	7,2	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	10,0	8,0	9,0	6,0	7,2	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	7,6	Khá	
277	24Y3050084	Trần Thị Thu	Huyền	14-02-2006	XNYH24B	Quảng Trị	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	9,0	7,0	9,0	8,3	9,0	8,7	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	8,1	Khá	
278	24Y3050085	Võ Gia	Khanh	23-04-2006	XNYH24B	Hà Tĩnh	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	8,0	8,0	8,3	9,0	8,7	7,8	Khá	
279	24Y3050088	Lê Thị Thúy	Kiều	17-06-2006	XNYH24B	Gia Lai	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	7,0	9,0	8,3	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,8	5,0	6,5	7,5	Khá	
280	24Y3050089	Nguyễn Thị Minh	Kiều	16-09-2006	XNYH24B	Phu Yên	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,5	9,0	10,0	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	8,0	Khá	
281	24Y3050090	Trần Thị Bích	Lai	16-07-2006	XNYH24B	Nghệ An	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	8,0	9,0	8,8	6,0	7,1	7,9	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú		
							L1	L2					L1	L2																				
282	24Y3050096	Phạm Thị Hoài	Linh	24-10-2006	XNYH24B	Hà Tĩnh	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	10,0	9,0	9,0	9,2	8,0	8,4	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	10,0	8,0	10,0	9,5	9,0	9,2	8,6	Giỏi		
283	24Y3050096	Nguyễn Thùy	Linh	21-04-2006	XNYH24B	Quảng Bình	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	8,0	10,0	9,3	8,0	8,5	8,4	Khá		
284	24Y3050092	Đoàn Ngọc	Linh	17-01-2006	XNYH24B	Hoà Bình	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	8,5	Giỏi		
285	24Y3050100	Phan Thị Hoàng	Ly	22-11-2006	XNYH24B	Đà Nẵng	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,3	9,0	8,0	9,0	8,8	10,0	9,5	8,1	Khá		
286	24Y3050102	Trần Thị Thiên	Lý	29-04-2006	XNYH24B	Quảng Bình	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,3	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	10,0	9,0	10,0	9,8	9,0	9,3	8,6	Giỏi		
287	24Y3050104	Nguyễn Thị Xuân	Mai	30-04-2006	XNYH24B	Đắk Lắk	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	10,0	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	10,0	9,3	9,0	9,1	8,1	Khá		
288	24Y3050103	Mai Tuyết	Mai	23-10-2006	XNYH24B	Thanh Hóa	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	9,0	8,8	9,0	7,0	9,0	8,3	9,0	8,7	9,0	8,0	10,0	9,3	10,0	9,7	8,5	Giỏi		
289	24Y3050108	Nguyễn Thị Trà	My	03-11-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	10,0	9,0	9,4	8,0	8,6	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	8,2	Khá		
290	24Y3050109	Phạm Thị Lê	Na	20-08-2006	XNYH24B	Nghệ An	9,0	7,0	8,0	7,8	7,0	7,2	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,5	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	8,0	10,0	9,3	9,0	9,1	8,1	Khá		
291	24Y3050113	Hoàng Như	Ngọc	20-06-2006	XNYH24B	Đắk Lắk	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,3	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	8,0	9,0	8,8	6,0	7,1	8,2	Khá		
292	24Y3050114	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	05-12-2006	XNYH24B	Quảng Nam	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,8	9,0	8,0	9,0	8,8	6,0	7,1	7,7	Khá		
293	24Y3050115	Trương Thị Kim	Ngọc	02-08-2006	XNYH24B	Quảng Ngãi	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	9,0	9,0	5,0	6,6	9,0	8,0	9,0	8,8	6,0	7,1	7,4	Khá		
294	24Y3050116	Lê Trần Thảo	Nguyên	19-06-2005	XNYH24B	Ninh Thuận	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	10,0	8,0	9,0	8,0	8,4	9,0	8,0	9,0	8,8	6,0	7,1	7,7	Khá		
295	24Y3050118	Hồ Thị Minh	Nguyệt	14-07-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	10,0	9,0	9,4	8,0	8,6	9,0	8,0	10,0	9,3	9,0	9,1	8,2	Khá		
296	24Y3050119	Nguyễn Lê Thanh	Nhã	24-04-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	10,0	9,0	9,4	7,0	8,0	9,0	8,0	10,0	9,3	9,0	9,1	7,9	Khá		
297	24Y3050120	Đỗ Nhật	Nhàn	18-12-2005	XNYH24B	Phú Yên	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	8,1	Khá		
298	24Y3050129	Phan Thị Yến	Nhi	03-12-2006	XNYH24B	Khánh Hòa	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,3	9,0	8,0	10,0	9,3	8,0	8,5	8,2	Khá		
299	24Y3050133	Trương Thị Ngọc	Nhi	03-03-2006	XNYH24B	Quảng Bình	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	9,0	8,9	9,0	9,0	8,0	8,5	6,0	7,0	7,8	Khá		
300	24Y3050127	Nguyễn Thị Yến	Nhi	06-06-2006	XNYH24B	Quảng Trị	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	8,0	10,0	9,3	9,0	9,1	8,3	Khá		
301	24Y3050125	Huỳnh Yến	Nhi	17-08-2006	XNYH24B	Bình Định	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,3	9,0	10,0	9,0	9,4	8,0	8,6	10,0	8,0	9,0	9,0	8,0	8,4	8,3	Khá		
302	24Y3050131	Trần Thị Thảo	Nhi	28-05-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	6,0	6,7	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	9,0	8,9	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	7,8	Khá		
303	24Y3050134	Bùi Huỳnh	Như	20-12-2006	XNYH24B	Quảng Nam	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	7,8	Khá		
304	24Y3050136	Đặng Thị Bích	Nhung	16-04-2006	XNYH24B	Phú Yên	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,3	9,0	8,0	9,0	8,8	6,0	7,1	7,9	Khá		
305	24Y3050138	Vì Thị Ngọc	Nhung	23-11-2006	XNYH24B	Đắk Nông	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	9,0	10,0	9,0	9,4	5,0	6,8	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,9	Khá		
306	24Y3050137	Trương Thị Hồng	Nhung	16-04-2006	XNYH24B	Quảng Bình	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	10,0	9,0	9,0	9,2	8,0	8,4	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	10,0	8,0	10,0	9,5	10,0	9,8	8,5	Giỏi	
307	24Y3050139	Phan Thị Yến	Ni	27-07-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,4	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	8,2	Khá		
308	24Y3050143	Nguyễn Thành	Phát	23-05-2006	XNYH24B	Khánh Hòa	10,0	7,0	8,0	8,0	6,0	6,6	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	8,0	9,0	8,6	5,0	6,5	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	7,3	Khá		
309	24Y3050223	Lô Văn	Phúc	29-09-2005	XNYH24B	Nghệ An	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	8,0	9,0	8,0	8,4	7,0	7,6	9,0	9,0	8,0	8,5	6,0	7,0	7,7	Khá		
310	24Y3050145	Đặng Hoàn	Phương	06-07-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,3	9,0	10,0	9,0	9,4	8,0	8,6	9,0	8,0	10,0	9,3	8,0	8,5	8,1	Khá		
311	24Y3050147	Nguyễn Lê Quỳnh	Phương	31-07-2006	XNYH24B	Quảng Trị	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	8,5	Giỏi		
312	24Y3050154	Nguyễn Như	Quỳnh	02-12-2006	XNYH24B	Ninh Bình	10,0	8,0	8,0	8,4	3,0	.	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	5,0	6,6	9,0	8,0	9,0	8,8	6,0	7,1	.			
313	24Y3050159	Võ Nguyễn Anh	Tài	30-01-2006	XNYH24B	Quảng Bình	9,0	8,0	8,0	8,2	2,0	.	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	8,0	9,0	9,0	8,8	7,0	7,7	9,0	7,0	8,0	8,0	9,0	8,6	.			

TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	CC	KTTX		QT	DT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	DT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	DT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	DT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			
314	24Y3050160	Ngô Thị Minh	Tâm	16-10-2004	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,2	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	8,2	Khá	
315	24Y3050161	Võ Quyết	Tâm	07-04-2006	XNYH24B	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	8,0	9,0	9,0	8,8	6,0	7,1	9,0	8,0	7,0	7,8	6,0	6,7	7,2	Khá	
316	24Y3050163	Trần Ngọc	Thanh	19-01-2006	XNYH24B	Bến Tre	9,0	7,0	8,0	7,8	6,0	6,5	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	10,0	9,0	9,4	7,0	8,0	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	7,7	Khá	
317	24Y3050167	Nguyễn Quốc	Thành	26-10-2006	XNYH24B	Quảng Ngãi	10,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,3	9,0	9,0	9,0	9,0	6,0	6,9	9,0	10,0	9,0	9,4	7,0	8,0	10,0	8,0	9,0	9,0	7,0	7,8	7,5	Khá	
318	24Y3050165	Hồ Đình Tiến	Thành	27-02-2006	XNYH24B	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	8,0	8,3	9,0	8,0	8,0	8,3	9,0	8,7	8,0	Khá	
319	24Y3050176	Võ Thị Thu	Thúy	08-03-2006	XNYH24B	Nghệ An	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	10,0	9,0	9,4	6,0	7,4	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,1	Khá	
320	24Y3050179	Nguyễn Kim	Tiến	23-12-2006	XNYH24B	Quảng Ngãi	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,5	9,0	10,0	9,0	9,4	9,0	9,2	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	8,2	Khá	
321	24Y3050182	Lê Nữ Thanh	Trà	30-09-2006	XNYH24B	Quảng Bình	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,8	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	8,0	Khá	
322	24Y3050186	Thái Thị Ngọc	Trâm	20-04-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	10,0	9,0	9,4	7,0	8,0	9,0	8,0	9,0	8,8	10,0	9,5	8,1	Khá	
323	24Y3050184	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Trâm	25-02-2005	XNYH24B	Phu Yên	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,5	9,0	10,0	9,0	9,4	6,0	7,4	9,0	8,0	9,0	8,8	5,0	6,5	7,4	Khá	
324	24Y3050185	Nguyễn Thị Hồng	Trâm	16-05-2006	XNYH24B	Bình Định	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	10,0	8,0	9,0	7,0	7,8	9,0	8,0	9,0	8,8	6,0	7,1	7,8	Khá	
325	24Y3050188	Ngô Bảo	Trần	10-10-2006	XNYH24B	Quảng Nam	10,0	8,0	8,0	8,4	6,0	6,7	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,2	9,0	10,0	9,0	9,4	7,0	8,0	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	7,8	Khá	
326	24Y3050191	Lê Nguyễn Khánh	Trang	02-09-2006	XNYH24B	Quảng Trị	10,0	8,0	8,0	8,4	6,0	6,7	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	6,0	7,1	9,0	8,0	9,0	8,8	7,0	7,7	7,2	Khá	
327	24Y3050193	Nguyễn Hoàng Mai	Trang	31-08-2006	XNYH24B	Bình Định	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	10,0	9,0	9,4	8,0	8,6	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	8,2	Khá	
328	24Y3050199	Hoàng Trọng	Triết	14-11-2006	XNYH24B	Đắk Nông	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,3	7,0	7,5	7,4	Khá	
329	24Y3050200	Trần Thị Kiều	Trình	16-09-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	7,0	7,8	8,0	7,9	9,0	10,0	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	8,3	Khá	
330	24Y3050201	Trần Thị Hoàng	Trúc	23-12-2006	XNYH24B	Gia Lai	9,0	7,0	8,0	7,8	7,0	7,2	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	10,0	9,0	9,4	7,0	8,0	9,0	8,0	10,0	9,3	6,0	7,3	7,4	Khá	
331	24Y3050203	Hồ Anh	Tú	19-02-2006	XNYH24B	Quảng Nam	10,0	8,0	8,0	8,4	5,0	6,0	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	9,0	8,9	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	7,7	Khá	
332	24Y3050205	Nguyễn Văn Anh	Tuấn	24-04-2006	XNYH24B	Đắk Lắk	9,0	8,0	8,0	8,2	0,0	.	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	8,0	9,0	9,0	8,8	8,0	8,3	9,0	8,0	8,0	8,3	9,0	8,7	.	VPQC Hpl	
333	24Y3050214	Hoàng Dương Nguyên	Vũ	10-12-2006	XNYH24B	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	8,0	9,0	9,0	8,8	9,0	8,9	9,0	8,0	8,0	8,3	6,0	6,9	7,6	Khá	
334	24Y3050218	Lê Thị Yến	Vy	06-10-2006	XNYH24B	Quảng Ngãi	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	9,0	8,6	6,0	7,1	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	8,0	Khá	
335	24Y3050219	Phạm Thảo	Vy	24-12-2006	XNYH24B	Quảng Ngãi	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	7,0	7,8	7,0	7,2	9,0	10,0	9,0	9,4	7,0	8,0	9,0	8,0	9,0	8,8	6,0	7,1	7,4	Khá	
336	24Y3050217	Cao Thảo	Vy	12-07-2006	XNYH24B	Bà Rịa - Vũng Tàu	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	10,0	9,0	9,4	7,0	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,8	7,6	Khá	
337	24Y3050220	Hồ Thị	Yến	18-03-2006	XNYH24B	TT Huế	10,0	8,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	10,0	9,0	9,4	8,0	8,6	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	8,1	Khá	
338	24Y3010059	Nguyễn Văn	Đạt	15-02-2006	Y24A	Nghệ An	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,3	7,0	7,5	8,0	9,0	8,0	8,3	6,0	6,9	7,5	Khá	
339	24Y3010079	Trần Phước	Duy	31-10-2006	Y24A	Vĩnh Long	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	7,0	8,0	7,9	7,0	7,4	9,0	9,0	9,0	9,0	10,0	9,6	8,2	Khá	
340	24Y3010198	Lê Hoài Hải	Nam	12/6/2006	Y24B	Quảng Nam	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,3	6,0	6,9	8,0	8,0	9,0	8,5	9,0	8,8	7,8	Khá	
341	24Y3010123	Lê Thị Minh	Hồng	25-10-2006	Y24C	Đà Nẵng	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	8,0	8,6	8,0	8,3	9,0	8,0	9,0	8,8	8,0	8,3	8,2	Khá	
342	24Y3060004	Lê Nguyễn Đức	Hoàng	05-05-2006	YTCC24	Gia Lai	9,0	8,0	8,0	8,2	6,0	6,7	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	7,0	7,0	7,5	5,0	6,0	9,0	6,0	8,0	7,8	0,0	.	.		
343	24Y3060007	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	23-10-2006	YTCC24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	7,0	7,8	8,0	7,9	9,0	8,0	9,0	8,6	7,0	7,7	9,0	8,0	8,0	8,3	5,0	6,3	7,6	Khá	
344	24Y3060012	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	01-09-2006	YTCC24	TT Huế	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,8	9,0	8,0	8,0	8,3	9,0	8,7	8,1	Khá	
345	24Y3060013	Đặng Thị Thảo	Nguyên	04-04-2006	YTCC24	Gia Lai	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	9,0	6,0	8,0	7,5	7,0	7,2	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	7,5	Khá	



TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú
							L1	L2					L1	L2																		
346	24Y3060014	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	27-07-2006	YTCC24	Quảng Trị	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.9	5.0	6.2	8.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.7	6.7	Trung bình	
347	24Y3060015	Lê Nguyễn Tuyết Nhi	27-12-2006	YTCC24	TT Huế	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	Khá	
348	24Y3060016	Trương Tuyết Nhi	20-11-2006	YTCC24	Quảng Trị	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	7.0	8.3	7.0	7.5	8.0	9.0	9.0	8.8	10.0	9.5	7.8	Khá	
349	24Y3060020	Lê Thị Thanh Yên	01-03-2006	YTCC24	Quảng Nam	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.7	7.5	Khá	
350		Nguyễn Như Yên	06/08/2006	ĐD-24	Quảng Trị	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	10.0	9.0	9.1	7.0	7.9	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.2	Khá	

Ấn định danh sách 350 sinh viên

Huế, ngày 15 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Xuân Thiện

PHÓ TR. PHÒNG ĐT, QLSV, ĐTBĐ

Vũ Thị Chung

CÁN BỘ VÀO ĐIỂM

Hoàng Thị Lý